TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: *13-3- 2018*
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toản - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1992 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1992(vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 8 năm 2017. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Văn Th chung sống với nhau vào năm 2010 đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Th nhậu nhẹt, say xỉn, ghen tuông vô cớ về nhà đánh đập vợ con, nhiều lần chị T khuyên ngăn nhưng không được, chị T và chị Th đã sống ly thân từ tháng 06/2017 cho đến nay. Nay chị T xác định không còn tình cảm với chị

Th nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu được ly hôn chị Th.

Về nuôi con chung: Chị T và chị Th có 02 chung tên Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 08/06/2013, cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 26/12/2010. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đ và giao cháu Tr cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng chị T không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Vào ngày 09/11/2017 chị T có đơn rút yêu cầu về con chung không yêu cầu Tòa án xem xét về nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu tòa giải quyết

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Th đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng chị Th vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, nguyện vọng, yêu cầu của chị Th

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: anh Th vắng mặt đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2018 nhưng chị Th vắng mặt không có lý do

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến..

+ Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 BLTTDS

+ Quan điểm về giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Văn Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước vào năm 2012. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân giữa chị T và chị Th không hòa hợp, tình cảm vợ chồng còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Th

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, chứng cứ có trong hồ sơ đề xuất

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho anh chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th

Về con chung: vợ chồng chị T, chị Th 02 chung tên Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 08/06/2013, cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 26/12/2010. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đ và giao cháu Trâm cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng chị T không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng, nhưng vào ngày 09/11/2017 chị T có đơn

rút đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, việc rút đơn của chị T là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đề cập

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1}Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và bị đơn anh Nguyễn Văn Th có nơi cư trú tại tổ 10, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Th nhưng do chị Th đã được Tòa án nhiều triệu tập để giải quyết vụ án và xét xử nhưng chị Th vắng mặt không có lý do chính đáng do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{2} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T, Hội đồng xét xử xét thấy:

{2.1}Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2010 đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay chị T cho rằng thời gian đầu thì vợ chồng vui vẽ hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Th nhậu nhẹt say xỉn và ghen tuông về nhà thì đánh đập vợ con nhiều lần chị T khuyên ngăn, tha thứ cho chị Th sữa chữa nhưng không được. Đến tháng 6/2017 thì chị T bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Lời trình bày của chị T cũng phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị T và chị Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với chị Th.

{2.2}Về nuôi con chung: quá trình chung sống giữa chị T và chị Th có 02 con chung tên Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 08/06/2013 và Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 26/12/2010. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đ và giao cháu Tr cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng chị T không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng. Tuy nhiên, ngày 09/11/2017 chị T có đơn rút yêu cầu về con chung không yêu cầu Tòa án xem xét về con chung. Xét yêu cầu rút đơn của chị T là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng chấp nhận.

{2.3}Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

{2.4}Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 217, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th

2.*Về nuôi con chung*: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị T về phần nuôi con chung.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008924 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ